

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HS-ST

Ngày 30/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thạch.
2. Ông Bùi Quốc Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2022/HSST ngày 02 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 71/TB-TA ngày 12/4/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 76/TB-TA ngày 01/7/2022 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. Trần Thanh Q, sinh ngày 30 tháng 4 năm 1985 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn X, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; tiền án, tiền sự: Không; con bà Trần Thị Q, cha (chưa xác định); có vợ là Võ Thị Th, có con lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên

tòa.

1.2. Nguyễn Hồng S, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1992 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn X, xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn Hồng N và bà Trần Thị H; có vợ là Phan Thị Cẩm L, có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại (đồng thời là bị đơn dân sự):

2.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Vận tải HHH, trụ sở: Thôn X, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Thê; có mặt tại phiên tòa.

2.2. Công ty Cổ phần bê tông VS; người đại diện hợp pháp: Ông Lê Quang D, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Số X đường Thành Thái, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Thanh V1, sinh năm 1990; cư trú: Thôn X, xã Bình Hiệp, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

3.2. Anh Phạm Tiên Ph, sinh năm 1984; cư trú: Thôn X, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người làm chứng:

4.1. Anh Lê Văn X, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn X, xã Bình Thuận, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

4.1. Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn X, xã Bình Thuận, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hồng S (sau đây viết tắt là S) là nhân viên lái xe của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Vận tải HHH (sau đây gọi tắt là Công ty HHH), được Công ty HHH giao xe ô tô tải biển kiểm soát 92C-133.57 (sau

đây viết tắt là xe 92C-133.57) để chở hàng dăm gỗ; Trần Thanh Q (sau viết tắt là Q) là nhân viên lái xe của Công ty Cổ phần bê tông VS (sau đây gọi tắt là Công ty VS), được Công ty VS giao xe ô tô bơm bê tông biển kiểm soát 76C-069.45 (sau đây viết tắt là xe 76C-069.45) để điều khiển đi phun bê tông tại các công trình.

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 14/6/2018, S điều khiển xe 92C-133.57 lưu thông trên tuyến đường Quốc lộ 24C (đường Võ Văn Kiệt) theo hướng Đông - Tây, còn Q điều khiển xe 76C-069.45 chở theo Nguyễn Thanh V1, Phạm Tiên Ph lưu thông theo hướng Nam - Bắc tuyến đường Quốc lộ 24C thuộc địa phận huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Khi đi đến ngã tư giao nhau giữa tuyến đường Quốc lộ 24C với tuyến Dốc Sỏi - Dung Quất (là nơi đường bộ giao nhau cùng mức, thuộc địa phận thôn Đông Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) thì Q, S không giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) và Q không thực hiện đúng quy tắc nhường đường nên giữa hai xe nêu trên đã xảy ra va chạm với nhau, trong đó phần đầu xe 76C-069.45 va chạm vào vị trí bồn nhiên liệu ở phía bên trái xe 92C-133.57 dẫn đến hai phương tiện bị cháy, hư hỏng.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Sơn kết luận: Giá trị tài sản bị thiệt hại đối với xe 92C-133.57 là 1.273.303.704 đồng (một tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm lẻ ba nghìn, bảy trăm lẻ bốn đồng); giá trị tài sản bị thiệt hại đối với xe 76C-069.45 là 651.948.000 đồng (sáu trăm năm mươi một triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 45/CT-VKS-BS, ngày 09/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Q, S về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Q, S phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, áp dụng điểm g khoản 2 Điều 260, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 42 đến 46 tháng tù, S từ 36 đến 42 tháng tù, đồng thời đề nghị xử lý về dân sự và vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng người, đúng tội nhưng cho rằng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là quá nghiêm khắc, vì các bị cáo phạm tội lần đầu và do lỗi vô ý, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường một phần thiệt hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn; các bị cáo mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội làm việc, lao động và chăm lo cho gia đình.

Tranh luận với ý kiến của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt đã đề nghị vì cho rằng đã đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Quý, S khai nhận hành vi phạm tội như mô tả trong cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Các bị cáo Q, S là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo Q đã có giấy phép lái xe hạng C nên đủ điều kiện để điều khiển xe 76C-069.45; bị cáo S có giấy phép lái xe hạng D nên đủ điều kiện điều khiển xe 92C-133.57.

[2.2] Ngày 14/6/2018, khi Q điều khiển xe 76C-069.45 và S điều khiển xe 92C-133.57 đến ngã tư giao nhau giữa tuyến đường Quốc lộ 24C với tuyến đường Dốc Sỏi - Dung Quất, đây là nơi đường bộ giao nhau cùng mức, không có vòng xuyến (thuộc địa phận thôn Đông Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi), có gắn biển cảnh báo nguy hiểm và bị che khuất tầm nhìn nhưng Q và S không giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn), không chú ý quan sát, riêng Q còn vi phạm quy tắc nhường đường là vi phạm các quy định tại khoản 1, 3 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT, ngày 31/12/2015 (nay là Thông tư 31/2019/TT-BGTVT, ngày 29/8/2019) của Bộ Giao thông vận tải, Điều 12 Luật Giao thông đường bộ, điểm c khoản 8 Điều 5 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP, ngày 26/5/2016 của Chính phủ (nay là điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ), khoản 23 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ.

Những vi phạm các quy định đã viện dẫn của Q dẫn đến tai nạn, gây thiệt hại đối với xe 92C-133.57 là 1.273.303.704 đồng (một tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm lẻ ba nghìn, bảy trăm lẻ bốn đồng); vi phạm các quy định đã viện dẫn của S dẫn đến tai nạn, gây thiệt hại đối với xe 76C-069.45 là 651.948.000 đồng (sáu trăm năm mươi một triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Vì vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo Quý, S đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì các bị cáo Quý, S đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và gia đình của các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, riêng bị cáo S còn có người thân là người có công với cách mạng. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Các bị cáo Q, S có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định tại mục [3] nêu trên. Ngoài lần phạm tội này, thì các bị cáo đều chấp hành tốt pháp luật nên việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cũng không thuộc một trong các trường hợp không cho hưởng án theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt các bị cáo Quý, S chấp hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mà chỉ cần cho các bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh và phòng chống tội phạm.

[6] Về dân sự:

[6.1] Bị cáo Q là nhân viên của Công ty VS, hưởng lương theo tháng, được Công ty VS giao xe 76C-069.45 (thuộc sở hữu của công ty này) để thực hiện công việc của công ty; bị cáo S là nhân viên của Công ty HHH hưởng lương theo tháng, được công ty giao xe 92C-133.57 (thuộc sở hữu của công ty này) để thực hiện công việc của công ty nên tại thời điểm gây thiệt hại thì Công ty VS là vẫn là chủ sở hữu, chiếm hữu xe 76C-069.45 và Công ty HHH là chủ sở hữu, chiếm hữu xe 92C-133.57. Theo khoản 3 Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trường hợp tài sản gây thiệt hại thì chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và theo Điều 601 của Bộ luật Dân sự thì chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Vì vậy, trong vụ án này, Công ty VS phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do xe 76C-069.45 gây ra, còn Công ty HHH phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do xe 92C-133.57 gây ra.

[6.2] Trước khi mở phiên tòa ngày 17/01/2022, giữa Công ty HHH và Công ty VS tự thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án, cụ thể: Công ty VS có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty HHH số tiền thiệt hại đối với xe 92C-133.57 là 636.651.852 đồng (sáu trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng), còn Công ty HHH có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty VS số tiền thiệt hại đối với xe 76C-069.45 là 325.974.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Xét thấy việc thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận trong bản án.

Ngoài ra, giữa các bị cáo và bị hại đều thống nhất số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) mà bị cáo S tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại đối với

xe 76C-069.45 thì sẽ được khấu trừ vào số tiền Công ty HHH có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty VS; số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) mà bị cáo Q bồi thường một phần thiệt hại đối với xe 92C-133.57 sẽ được khấu trừ vào số tiền mà Công ty VS có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty Hoàng Hoa như đã nêu trên.

Đối với phần thiệt hại còn lại của xe 92C-133.57 thì Công ty Hùng Hoàng Hoa và của xe 76C-069.45 thì Công ty Việt Sin có quyền liên hệ doanh nghiệp bảo hiểm để yêu cầu trả số tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

[6.2] Khi xảy ra tai nạn thì các bị cáo Q, S và các anh Phạm Tiên Ph, Nguyễn Thanh V1 bị thương tích nhẹ, đều từ chối giám định và không yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng:

[7.1] Cơ quan điều tra đã trả lại các xe ô-tô cho các chủ sở hữu hợp pháp, bao gồm: Trả 01 xe 76C-069.45 cho Công ty Viet Sin và trả lại 01 xe 92C-133.57 cho Công ty HHH là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7.2] Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trả lại cho bị cáo S 01 (một) giấy phép lái xe số 490120001689 do Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/02/2018, ghi tên Nguyễn Hồng S, sinh ngày 05/02/1992, nơi cư trú: xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; hạng A1, D; có giá trị đến ngày 26/3/2023.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn về tội danh đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi của các bị cáo và đề nghị về các vấn đề khác trong vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; riêng về mức hình phạt có một phần phù hợp tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[9] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo Q, S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; do Công ty Hùng Hoàng Hoa và Công ty VS đã thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại trước khi mở

phiên tòa và có đề nghị ghi nhận thỏa thuận trong bản án nên không phải chịu án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh Q, Nguyễn Hồng S phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Thanh Q 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thanh Q cho Ủy ban nhân dân xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng S cho Ủy ban nhân dân xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.3. Trường hợp các bị cáo Trần Thanh Quý, Nguyễn Hồng S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, các bị cáo Trần Thanh Quý, Nguyễn Hồng S cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo Trần Thanh Quý, Nguyễn Hồng S phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ các 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ghi nhận thỏa thuận giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Vận tải HHH và Công ty Cổ phần bê tông VS, cụ thể như sau:

3.1. Công ty Cổ phần bê tông VS có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Vận tải HHH số tiền thiệt hại đối với xe ô tô

biên kiểm soát 92C-133.57 là 636.651.852 đồng (sáu trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng), được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo Trần Thanh Quý đã tự nguyện bồi thường là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu 0000562 ngày 29/12/2021 nên Công ty Cổ phần bê tông VS còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 633.651.852 đồng (sáu trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng).

3.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Vận tải HHH có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty Cổ phần bê tông VS số tiền thiệt hại đối với xe ô tô biên kiểm soát 76C-069.45 là 325.974.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo Nguyễn Hồng S đã tự nguyện bồi thường là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), theo biên lai thu 0000563 ngày 30/12/2021 nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Vận tải HHH còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 320.974.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo Trần Thanh Q, Nguyễn Hồng S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng S 01 (một) giấy phép lái xe số 490120001689 do Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/02/2018.

7. Bị cáo, bị hại (đồng thời là bị đơn dân sự) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại (đồng thời là bị đơn dân sự) và người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình S;
- CQCSĐT và Bộ phận HSNV Công an huyện Bình S;
- CCTHADS huyện Bình S;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đô